

Bản án số 01/2020/HC-PT

Ngày 11-5-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Bà Vũ Thị Thu H.

Địa chỉ: Xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản án sơ thẩm, người khởi kiện trình bày như sau:

Gia đình bà hiện nay đang sử dụng thửa đất số 362 tờ bản đồ số 43; địa chỉ thửa đất tại xóm 11 (nay là xóm 6), xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC398645 ngày 17/6/2011; diện tích thửa đất là 1652,8m². Thửa đất này có nguồn gốc của bố mẹ chồng bà để lại cho vợ chồng bà. Trước đây, sát với diện tích đất gia đình bà đang sử dụng có một lối đi chung, nhà bà Y có đi nhờ lối đi này để vào nhà. Đến năm 1975, gia đình nhà chồng bà không sử dụng lối đi này mà mở một lối đi khác, nhà bà Y cũng mở lối đi khác ra thẳng đường cái. Năm 2015, ông Phạm Văn H con trai bà Y đã tranh chấp, kiện cáo gia đình bà. Do hai bên gia đình không thỏa thuận được với nhau nên bà đã làm đơn nhờ UBND xã T giải quyết. Ngày 25/5/2016, Ủy ban nhân dân xã Tràng Đà đã ra thông báo về việc giải quyết cho rằng lối đi này là lối đi chung do UBND xã T quản lý. Trong quá trình giải quyết tại UBND xã T năm 2016, bà đều được tham gia hòa giải và quá trình giải quyết, ký xác nhận vào các văn bản do xã lập và không có ý kiến gì đối với kết quả giải quyết tại UBND xã T thời điểm đó. Bà cho rằng diện tích đất của gia đình bà theo bản đồ 299 là 1.783m², khi cấp giấy chứng nhận chỉ cấp cho gia đình bà 1652,8m² là không đúng. Nhưng do không hiểu biết nên tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận gia đình bà không khiếu kiện gì. Năm 2018, bà có nhu cầu cần xây nhà cho vợ chồng con gái bà ở cùng thửa đất của gia đình bà, bà đã xin cấp phép xây dựng và được UBND thành phố T cấp Giấy phép xây dựng số 606/GPXD/2018 ngày 10/11/2018. Sau đó bà và gia đình đã xây dựng nhà cho con gái bà ở, khi xây để xác định ranh giới bà đã xây tường rào bằng gạch xi măng bao quanh khu đất của gia đình bà. Ngày 10/6/2019 UBND xã T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC đối với bà vì cho rằng bà đã thực hiện hành vi dựng tường rào, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Bà không nhất trí với Quyết định này của UBND xã T, vì diện tích đất đó trước đây là đường đi, mặc dù bà xác nhận trước đây có hàng rào dâm bụt, mấy cây nhãn ngăn cách giữa đất nhà bà và lối đi đó. Tuy nhiên, bà cho rằng lối đi đó vẫn là đất của gia đình bà cho mượn để người khác đi nhờ, nay không ai đi qua nữa thì bà lấy lại và rào để phân định ranh giới và đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC

ngày 10/6/2019 của UBND xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và ghi nhận việc xây dựng của gia đình bà là đúng quy định của pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là UBND xã T trình bày như sau:

Căn cứ vào hồ sơ địa chính do UBND xã T, thành phố T đang quản lý, biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Đ, biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư đã xác định bà Nguyễn Thị Đ trong quá trình xây dựng công trình nhà ở mặc dù đã có Giấy phép xây dựng theo quy định nhưng là người đã có hành vi vi phạm hành chính, cụ thể: Dựng tường rào, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất cho đường bộ, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 mục II Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt. Trong quá trình làm việc với UBND xã T bà Đ đều thừa nhận hành vi của mình thể hiện thông qua các chữ ký xác nhận nội dung của các biên bản làm việc. UBND xã T cũng đã phối hợp với chính quyền thôn xóm, tổ chức đoàn thể vận động bà Đ tự nguyện tháo dỡ công trình. Nhưng bà Đ không tự tháo dỡ để trả lại lối đi chung do UBND xã T quản lý. Nên UBND xã T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 đối với bà Nguyễn Thị Đ. Nay bà Nguyễn Thị Đ khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên, UBND xã T không nhất trí với yêu cầu khiếu kiện của bà Đ.

Vụ án đã được Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, điều tra xác minh và đưa ra xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 116, 157, 164, 193, 194, 204, 206, 348 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khiếu kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc: Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của UBND xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2019 bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01 ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T. Xác định lại nguồn gốc con đường, trả lại diện tích đất cho gia đình bà theo đúng diện tích ban đầu bố mẹ chồng bà mua của cụ L. Hủy bỏ

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01 ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã T. Bà Đ rút yêu cầu Xác định lại nguồn gốc con đường, trả lại diện tích đất cho gia đình bà theo đúng diện tích ban đầu bố mẹ chồng bà mua của cụ L.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện giữ nguyên các quan điểm đã trình bày như nội dung bản án trong bản án sơ thẩm,

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

- Thẩm quyền ban hành Quyết định số 88 là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định số 88 đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Trình tự, thủ tục, nội dung của Quyết định 88: Tại Biên bản vi phạm, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Định cho rằng “ *Riêng phần tường rào tôi xây là đúng trong khuôn viên đất của gia đình tôi...*”. Tuy nhiên, UBND xã đã không thực hiện xác định vị trí đường đi có nằm trong phần đất của bà Định, đất có phải là đất dành cho đường bộ không để làm căn cứ xử lý vi phạm hành chính cho đúng đối tượng, đúng hành vi vi phạm và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 88 ghi: “*Các biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ khoản 9 Điều 12 Mục 2 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ ...*”. Vậy, Chủ tịch UBND xã T đã áp dụng văn bản pháp luật không đúng với biện pháp khắc phục nêu trong quyết định.

- Về việc xác định tư cách tố tụng: Bà Định khởi kiện đúng đối tượng đó là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND xã T là sai tư cách tố tụng, vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, sai sót trên không làm ảnh hưởng đến bản chất nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, đề nghị HĐXX sửa tư cách tố tụng của người bị kiện tại giai đoạn phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố

tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ, sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Hủy Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND xã T quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Đ.

Về chi phí tố tụng: Chủ tịch UBND xã T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm. Do số tiền này bà Đ đã nộp nên Chủ tịch UBND xã T phải trả lại cho bà Đ 1.100.000 đồng.

Về án phí: Trả lại cho bà Đ 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Chủ tịch UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về việc kháng cáo của người khởi kiện, ngày 05/12/2019, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T là hợp lệ, đúng thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01 ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T. Xác định lại nguồn gốc con đường, trả lại diện tích đất cho gia đình bà theo đúng diện tích ban đầu bố mẹ chồng bà mua của cụ L. Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã T.

Sau khi xem xét bản án sơ thẩm và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019:

Căn cứ khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã T ký Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 là đúng thẩm quyền.

2. Về thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019:

Vào khoảng cuối năm 2018, bà Nguyễn Thị Đ xây nhà cho con nên đã xây tường rào, UBND xã T đã phát hiện và phối hợp với các tổ chức đoàn thể của xã vận động gia đình bà Đ tự tháo dỡ công trình vi phạm để trả đường đi chung nhưng bà Đ không thực hiện. Ngày 04/6/2019, Công chức Địa chính, Nông nghiệp, Xây dựng và Môi trường xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Đ về hành vi Dựng tường rào, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất cho đường bộ, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 12 mục II Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt. Ngày 10/6/2019, Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đ.

HĐXX xét thấy trường hợp vi phạm của bà Định còn thời hiệu theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC là đúng thời hạn.

3. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019:

Sau khi phát hiện ra vi phạm, UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 04/6/2019 có vẽ sơ đồ phân hạng mục công trình xây dựng nhà ở vi phạm vị trí tại xóm 11 xã T do bà Nguyễn Thị Đ là chủ đầu tư. Trong biên bản vi phạm bà Đ trình bày ý kiến “...*Riêng phần tường rào tôi xây là đúng trong khuôn viên đất của gia đình tôi*”. Ngày 10/6/2019, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC. Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2020, hiện trạng không thể hiện có con đường hay lối đi và hiện không có người sử dụng để đi lại nên UBND xã phải sử dụng máy móc, đo đạc, định vị, xác định vị trí, tọa độ lồng ghép hiện trạng với bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ xem bà Đ xây tường rào có vi phạm vào lối đi không? Vụ việc vi phạm này thuộc trường hợp cần thiết phải xác minh các tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

“Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính

1. Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

a) Có hay không có vi phạm hành chính;

b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của

cá nhân vi phạm hành chính;

c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này;

e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

2. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.”

Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt bà Đ của Chủ tịch UBND xã T là chưa đúng theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019:

HĐXX xét thấy hình thức của Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 là phù hợp quy định tại Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Đối với nội dung của Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019, HĐXX thấy rằng Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định xử phạt là thiếu căn cứ cụ thể: Chưa xác định được vị trí của lối đi theo bản đồ địa chính xem cụ thể nó nằm trên phần đất của ai, diện tích như thế nào? Vị trí điểm đầu và điểm cuối của lối đi, việc bà Đ xây tường rào phía sau có xây vào lối đi không? Theo Bản đồ địa chính thì điểm đầu con đường là điểm tiếp giáp đường đi xuống sông và điểm cuối con đường là tiếp giáp đất nhà ông H (vị trí tiếp giáp là vuông góc). Tuy nhiên theo sơ đồ hiện trạng cán bộ chuyên môn của UBND xã T đã vẽ để làm căn cứ xử phạt thì vị trí bà Đ xây tường rào lại nằm phía sau điểm cuối cùng của lối đi, nếu như vậy thì vị trí bà Đ xây tường rào chỉ nằm trên đất bà Đ hoặc đất ông H chứ không nằm trên lối đi.

Về hình dáng thửa đất theo bản đồ địa chính, bản đồ dải thửa thì phần đất nhà bà Đ sử dụng phần giáp lối đi được thể hiện theo hình vòng cung (tức là mảnh đất vòng ra ngoài phía “con đường”). Tuy nhiên, sơ đồ hiện trạng mà Tòa án nhân dân thành phố thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/10/2019 thì mảnh đất nhà bà Đ định phía tiếp giáp lối đi đang có hình dạng khuyết vào trong. Đây cũng là một trong những căn cứ cần phải làm rõ để xác định vị trí “con đường” nằm ở đâu?

Hơn nữa trong giấy CNQSD đất cấp cho bà Đ thì phía tiếp giáp nhà bà Đ với nhà ông V, ông H không hề có con đường mà hết đất bà Đ là đến đất nhà ông V, ông H luôn (bút lục 67).

Trên thực địa mà Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xác minh, chụp ảnh ngày 27/02/2020 thì hiện nay không có con đường hay lối đi nào như bản đồ địa chính đã vẽ (đất nhà bà Đ sau đó đến tường rào rồi đến đất nhà ông H), trên thực tế không có con đường, lối đi nào đang tồn tại. Nếu như theo bản đồ địa chính có vẽ lối đi thì điểm cuối cùng của lối đi là tiếp giáp vuông góc với đất ông H (giáp vườn phía sau), trên thực tế ở thời điểm hiện tại ông Hà không sử dụng và cũng không ai sử dụng lối đi này, không có hộ gia đình nào đi qua. Như vậy, UBND xã T ra Quyết định xử phạt bà Đ nhưng thiếu đi sự logic, thiếu căn cứ pháp lý, căn cứ thực tế. Việc UBND xã T áp dụng Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt để xử phạt cũng chưa thuyết phục, chưa chính xác.

5. Đối với kháng cáo hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01 ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T:

HĐXX thấy rằng Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 không đúng nên sửa bản án sơ thẩm và hủy Quyết định số 88 là đúng quy định của pháp luật không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

6. Đối với kháng cáo đề nghị xác định lại nguồn gốc con đường, trả lại diện tích đất cho gia đình bà theo đúng diện tích ban đầu bố mẹ chồng bà mua của cụ L:

HĐXX xét thấy đề nghị của bà Đ vượt quá thẩm quyền, phạm vi giải quyết vụ án hành chính theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính, tại phiên tòa bà Đ đã rút yêu cầu này nên HĐXX không xem xét.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy việc kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ pháp luật. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T. Tuyên hủy Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND xã Trảng Đà như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3]. Đối với việc xác định tư cách tổ tụng trong vụ án hành chính: HĐXX thấy rằng Tòa án nhân dân thành phố T xác định người bị kiện là UBND xã T là không đúng. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/7/2019 (BL31) bà Đ đã nêu rõ người bị kiện là Chủ tịch UBND xã T. Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC do Chủ tịch UBND xã T ký, do vậy người bị kiện phải là Chủ tịch UBND xã T. Điều này là vi phạm thủ tục tổ tụng của cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm Chủ tịch UBND

xã T (bà Vũ Thị Thu H) trực tiếp tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử, tại phiên tòa phúc thẩm Chủ tịch UBND xã T và bà Nguyễn Thị Đ cũng không có ý kiến gì nên HĐXX xét thấy không cần phải hủy bản án sơ thẩm mà chỉ sửa tư cách tham gia tố tụng của người bị kiện tại giai đoạn phúc thẩm và sẽ tiến hành rút kinh nghiệm với Tòa án nhân dân thành phố T.

Ngoài ra ngày 19/3/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 47/UBND-VP ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã T đề nghị triệu tập thêm cán bộ địa chính xã là ông Đỗ Đình P tham gia phiên tòa phúc thẩm (vì ông P là cán bộ tham mưu cho Chủ tịch và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tham mưu, đề xuất của mình). Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét thấy ông P không phải đương sự trong vụ án nên không triệu tập ông P tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của Chủ tịch UBND xã T.

Tại phiên tòa, Chủ tịch UBND xã T cung cấp thêm bản đồ địa chính bản gốc và bản đồ quy hoạch nông thôn mới năm 2011. Sau khi đối chiếu bản đồ địa chính (tờ bản đồ số 43) thấy rằng bản đồ thể hiện phù hợp với hiện trạng sử dụng đất hiện nay. Trên bản đồ địa chính năm 1996 cũng như bản đồ quy hoạch nông thôn mới năm 2011 đều xác định có lối đi nối từ đường ngõ xóm vào đất ông H, phía trong đất ông H không thể hiện có con đường nào khác ngoài mương thủy lợi. Như vậy, chưa thể khẳng định được điểm đến và điểm cuối con đường có nằm trong phạm vi bà Đ xây tường rào hay không.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm. Do số tiền tạm ứng chi phí này bà Nguyễn Thị Đ đã nộp, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*).

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 349, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của bà Đ được chấp nhận và Tòa án sửa bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho bà Đ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000483 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; Trả lại cho bà Đ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000165 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; Điều 242; Điều 349, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 6; 38; 66; Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.
- Tuyên hủy Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Đ.
- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

* Về chi phí tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải chịu chi phí thẩm định và chi phí đo vẽ hiện trạng sử dụng đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 1.100.000đ (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) chi phí thẩm định mà bà Đ đã nộp khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Số tiền này bà Đ đã nộp do đó Chủ tịch UBND xã T phải trả lại cho bà Đ.

* Về án phí: Trả lại cho bà Đ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000483 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; Trả lại cho bà Đ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000165 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn

kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/5/2020).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh;
- TAND TP T;
- UBND TP T;
- VKSND TP T;
- THADS TP T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tuấn Tú